TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐẮK LÃK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/DSST

Ngày:20-8- 2026

V/v: Tranh chấphợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*Ông Đỗ Văn Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Hồng Khanh, ông Nguyễn Quang Hoàng.

- Thư ký phiên tòa:Bà Lâm Thị Nhưng -Thư kýTòa án nhân dân khu vực 5-Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Đắk Lắk tham gia phiên tòa:Bà Bùi Thị Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 20tháng 8năm 2026, tại Hội trường B Tòa án nhân dân khu vực 5-Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sựthụ lý số 76/2025/TLST-DS ngày 27tháng 10 năm 2025về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* , theoQuyết định đưa vụ án raxét xử số 45/2026/QĐXXST-DS ngày03tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn số 27/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2026,giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Buôn E, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tăng H, sinh năm 1991.Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: A N, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1993;Vắng mặt.

Địa chỉ:A H, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theođơn khởi kiện ghingày 07/10/2025 vàquá trình giải quyết vụ án,người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là ông Nguyễn Tăng Htrình bày:*

Trước đây, bà Nguyễn Thị Lcó vay của bà N số tiền: 600.000.000 đồng.Do không có khả năng trả được số tiền vay trên lên ngày 13/10/2023, bà Nvà bà Nguyễn Thị Lcó lập một giấy thỏa thuận với nội dung:

Bà Lsang nhượng lại cho bà N một lô đất thửa 855, tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk)với giá 650.000.000 đồng. Để trừ sang số nợ bà Lđang nợ bà N là 600.000.000 đồng. Trong đó, bà N sẽ trả số tiền bà Lnợ Ngân hàng là 300.000.000 đồng để lấy bìa ra và làm thủ tục sang nhượng quyền sử dụng đấtcho bà N. Còn lại số tiền 350.000.000 đồng sẽ trừ vào số nợ 600.000.000 đồng. Vậy, sau khi sang nhượng đất trên cho bà N, bà Lcòn nợ bà Nlà: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Từ ngày 13/10/2023, bà Lcòn nợ bà N số tiền là 250.000.000 đồng.Hai tờ giấy vay nợ 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)* và 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)do bà Lvà bà Phạm Thị N1đứng tên sẽ không còn giá trị. Việc nợ số tiền 250.000.000 đồng nêu trên cũng được bà Lthừa nhận tại nội dung bản tự khai ngày 11/6/2025.

Sau đó, bà Llàm thủ tục sang nhượng thửa đất cho bà N như đã thỏa thuận theo nội dung giấy trên. Số tiền bà Lcòn nợ lại bà N là 250.000.000 đồng đến nay bà Lkhông chịu trả. Mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu bà Ltrả lại số tiền vay gốc và lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật đối với số tiền trên.

Vậy, để đảm bảo quyền lợi cho mình nay bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết :Buộc bà Nguyễn Thị Lphải trả cho bà Nsố tiền nợ gốc là: 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng).*

Tiền lãi suất chậm trả với lãi suất 10%/01 năm, tạm tính từ ngày 14/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/8/2026 là 34 tháng 04 ngày là:

250.000.000 đồng x 10%/01 năm x 34 tháng 04 ngày = 71.075.000đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi suất chậm trả mà bà Nguyễn Thị Lphải trả cho bà Nđến hết ngày 20/8/2026 là 321.075.000đồng,tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/8/2026đến khi trả hết nợ.

** Theo văn bản ngày 29/4/2026, bị đơn bà Nguyễn Thị Ltrình bày ý kiến như sau:*

Trước đây bà L có vay của bà Nguyễn Thị Nsố tiền 600.000.000 đồng, do không có khả năng trả nợ nên bà L đã sang nhượng cho bà Nthửa đất số 855, đất tọa lạc tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk) với giá 650.000.000 đồng. Tại thời điểm chuyển nhượng đất thì tài sản này bà L đang thế chấp Ngân hàng để vay số tiền 300.000.000 đồng, bà Nbỏ số tiền 300.000.000 đồng trả Ngân hàng thay bà L mới lấy bìa đỏ ra sang tên cho bà N, sau khi cấn trừ đi số tiền nợ và bà Nđã bỏ ra trả Ngân hàng thì bà Lcòn nợ bà Nsố tiền 250.000.000 đồng và bà L có viết giấy xác nhận nợ với bà Nvào ngày 13/10/2023. Ngoài ra bà Ncòn cầm 02 tờ giấy nợ , 01 tờ nợ 200.000.000 đồng và 01 tờ nợ 400.000.000 đồng, kể từ ngay 13/10/2023 thì hai tờ giấy này không còn giá trị nữa , hiện nay ba Nđang giữ 02 tờ giấy này,

nay bà L đề nghị Tòa án yêu cầu bà Nnộp lại lưu trong hồ sơ 02 tờ giấy này, vì 02 tờ giấy vay này liên quan đến khoản vay bà Nđang khởi kiện bà L. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nđề nghị Tòa án giải quyết buộc bà L trả 250.000.000 đồng tiền gốc thì bà liên xác nhận có nợ bà Nsố tiền gốc này, do khó khăn nên bà Lxin trả dần, về yêu cầu tính lãithì bà L không đồng ý vì bà L đã trả nhiều lần lãi bằng phương thức chuyển khoản và trả tiền mặt trung bình mỗi tháng 12.000.000 đồng, khi trả không viết giấy tờ trả nên bà L cũng không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Đương sự vắng mặt nên không tiến hành tranh luận được.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Đắk Lắk:***

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N; buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền gốc 250.000.000 đồng. Về tiền lãi tính theo quy định pháp luật.

+Vềán phí: Bị đơn phải chịuán phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa , Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1].Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt;Bị đơn bà Nguyễn Thị Lđã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà số tiền gốc 250.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Bị đơnbà Nguyễn Thị Ltrú tạixã K, tỉnh Đắk Lắk;căn cứ Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự ; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 -Đắk Lắk.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện trả tiền gốc của bà Nguyễn Thị N: BàNyêu cầu Tòa án giải quyết buộcbà Nguyễn Thị Lphải trả cho bà N số tiền gốc là 250.000.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu của mình bàN đã cung cấp cho Tòa án bản gốc giấy thỏa thuận có nội dungbà Lcòn nợ bà Nsố tiền 250.000.000 đồng kể từ ngày 13/10/2023 và bà N cho rằng giấy vay tiền này do chính phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ltự nguyên viết nội dung còn nợ bà Nsố tiền 250.000.000 đồng và bà L ký ghi rõ họ tên bênngười vay tiền.

Tại văn bản ý kiến ngày 29/4/2026, bà Nguyễn Thị L thừa nhận v ào ngày 13/10/2023 bà Lvà bà N thỏa thuậnsau khi cấn trừ tiền bà Nmua đất và trả Ngân hàng thì bà Lcòn nợ lại bà Nsố tiền 250.000.000 đồng, việc vay mượn có viết giấy và bà L có ký xác nhận.

Như vậy, việc ký vay tiền của bị đơn bà Nguyễn Thị Llà hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội ; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên giao dịch vay tiền trong giấy thỏa thuận nợ tiền vay ngày 13/10/2023 mà bà Ncho bà Lvay tiền là phù hợp với quy định của pháp luật , đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; việc bà L không trả nợ cho bà Nnhư đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Xét ý kiến bị đơn bà Lcho rằng hiện nay bà Lđang gặp khó khăn và xin thờ i gian để trả dần cho bà N, tuy nhiên bà Nkhông đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến này của bà L. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả chobà Nguyễn Thị Nsố tiền 250.000.000đồngnợ gốc là có căn cứ.

[2.2]. Xét yêu cầu trả tiền lãi :Quá trình giải quyết vụ án ngu yên đơn đề nghị Tòa án tính lãi suất theo quy định pháp luậtlà 10%/01 năm.

Xét ý kiến bị đơn bà Lcho rằng đã trả lãi cho bà Nnhiều lần, trung bình mỗi tháng trả 12.000.000 đồng, tuy nhiên bà Lkhông có tài liệu chứng cứ chứng minh trả tiền lãi này và người đại diện theo ủy quyền bà Ncho rằng từ ngày 14/10/2023 cho đến nay bà Lchưa trả cho bà N số tiền lãi nào.

Do đó, căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự , buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Lphải chịu lãi theo quy định pháp luật là có cơ sở ; căn cứ khoản 2 Điều 468

của Bộ luật dân sự tính lãi 10%/01 năm là phù hợp . Vậy, số tiền lãi tính từ ngày 14/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/8/2026 của số tiền gốc 250.000.000 đồng là71.075.000đồng.

[2.4]. Như vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả chobà Nguyễn Thị N tổng số tiền là : 321.369.863đồng(trong đó tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/8/2026là71.369.863 đồng)là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nđược chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà N số tiền 7.488.000đồng mà N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003237 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.068.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271,Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025; Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2].Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơnbà Nguyễn Thị N.

- Buộc bị đơnbà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 321.369.863đồng*(Ba trăm hai mươi mốt triệu , ba trăm sáu mươi chín nghìn , tám trăm sáu mươi ba đồng)*,trong đó tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 71.369.863 đồng*(Bảy mươi mốt triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền 7.488.000đồng*(Bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng)*mà N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003237ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Lphải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.068.000 đồng *(Mười sáu triệu không trăm sáu mươi tám nghìnđồng).*

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa , được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND khu vực 5 -Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Thành